

Đề Bà Đạt Đa tư tưởng đổi mới hay phạm trọng tội?

ISSN: 2734-9195

11:32 27/10/2026

Đức Phật là bậc thầy hướng đạo, người khai mở năng lực nội tâm cho chúng sinh, không phải người cố gắng đi lên bằng quyền lực. Vì vậy, tư tưởng thống lĩnh hội chúng dựa trên quyền lực thế tục đã khiến Devadatta ngày càng đi vào ngõ cụt...

Tóm tắt

Trong Tăng đoàn thời đức Phật tại thế, **Đề Bà Đạt Đa** được đánh giá là một nhân vật có tài năng, có trình độ lý luận. Mặc dù, chưa chứng được Thánh quả A la hán, nhưng do tinh tấn, siêng năng trong tu tập, khổ luyện công phu, ông chứng đắc thần thông và trở thành người có ảnh hưởng trong tăng đoàn lúc bấy giờ.

Dựa vào thế quyền của thái tử A Xà Thế, ông đề xuất 5 pháp tỳ ni trong Tăng đoàn, hướng tới mục tiêu thống lĩnh hội chúng, thay đổi cục diện Tăng đoàn của đức Phật.

Tư tưởng đổi mới của ông không thành hiện thực và ông trở thành người phạm trọng tội trong Tăng đoàn thời bấy giờ. Mặc dù vậy, quan điểm không ăn cá, thịt (ăn chay) của ông để lại dấu ấn khó quên, là nét văn hóa của Phật giáo Bắc truyền ngày nay, nhưng đi ngược lại với tư tưởng của đức Phật?

Từ khóa: Đề Bà Đạt Đa, đổi mới, năm pháp, tỳ ni, phạm tội, Tăng đoàn, đức Phật.

Sau khi đức Phật **thành đạo**, Ngài bắt đầu cuộc hành trình hoằng pháp lợi sinh, thu nhận đệ tử, thành lập nên Tăng đoàn hùng mạnh trải dài khắp xứ Ấn Độ lúc bấy giờ.

Việc thành lập Tăng đoàn, mở ra chương mới hướng về thế giới tâm linh, góp phần làm phong phú thêm về mặt tín ngưỡng, tôn giáo đương thời, mở đường cho nhận thức triết học của Phật giáo trong dòng chảy của các trào lưu tư tưởng

thế tục và phi thế tục trong xã hội Ấn Độ cổ đại.

Tuy nhiên, quá trình thu nhận đồ chúng trong môi trường xã hội đầy phức tạp về mặt tín ngưỡng tôn giáo, phản ánh hai khía cạnh của vấn đề nội tại: Một mặt, nó nói lên trí tuệ siêu việt của **đức Phật** trong vấn đề thu nhiếp các đối tượng ngoại đạo quy hướng về đạo đức Phật giáo, bẻ gãy các luận thuyết của ngoại đạo. Mặt khác, việc chinh phục các tà thuyết đương thời, sẽ có những rủi ro, tiêu cực và những thách thức tiềm tàng trong Tăng đoàn Phật giáo.

Bên cạnh mặt hồ tĩnh lặng của Tăng đoàn là những đợt sóng diễn ra, một số đối tượng muốn tìm cơ hội thoát ly, muốn khởi đầu cho một quan điểm, tư duy mới nhằm thoát khỏi những quy tắc ban đầu được thiết lập của Tăng đoàn Phật giáo.

Trong Tăng đoàn lúc bấy giờ, Đề Bà Đạt Đa là một tăng sĩ có tài năng, có trình độ lý luận, ông xuất thân từ dòng dõi vương gia, được các thế lực vua chúa che chở. Mặc dù, chưa chứng được Thánh quả **A la hán**, nhưng do tinh tấn, siêng năng trong tu tập, khổ luyện công phu, ông chứng đắc thần thông và trở thành người có ảnh hưởng trong một số tăng sĩ.

Dựa vào thế quyền của vua A Xà Thế, ông đã đưa ra đề xuất năm pháp trong Tăng đoàn, hướng tới mục tiêu thống lĩnh hội chúng, thay đổi cục diện Tăng đoàn. Năm đề xuất đó là gì, mà giới luật gọi là năm điều phi pháp không thể chấp nhận được trong Tăng đoàn? Những đề xuất đó có thành hiện thực hay không?

1. Đề Bà Đạt Đa và đề xuất 5 pháp tỳ ni bất thành

Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) là con của Bạch Phạn vương, em ruột của Tôn giả A nan, họ hàng với thái tử Tất Đạt Đa (Thích Ca Mâu Ni). Trong một sự kiện đức Phật trở về hoàng tộc để thăm vua cha tại thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu) và thuyết pháp cho các vương tử, hoàng tộc. Trong số các vương tử xin xuất gia theo đức Phật như Ānanda, Bhaddiya, Anuruddha...thì Đề-Bà-Đạt-Đa cũng phát tâm xin gia nhập Tăng đoàn của đức Phật.

Theo Tạng Luật Vinayapitaka, tiểu phẩm Cullavagga, tập 2, chương VII: Chia rẽ hội chúng, viết rằng: *“Khi ấy, đức vua Bhaddiya dòng Sākya, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimila, Devadatta, với thợ cạo Upālī là người thứ bảy. Giống như trước đây họ đã đưa nhau đi đến vườn hoa cùng với bốn loại quân binh, tương tự như thế, họ đã đưa nhau đi cùng với bốn loại quân binh. Khi đi đã xa, họ đã cho quân binh trở về...”* [1].

Lễ xuất gia tập thể của các vương tử và người thợ cạo tóc Ûpali diễn ra vào năm thứ 20 từ khi đức Phật thành Đạo, tại khu vườn xoài Anupiya. Sau khi xuất gia, các vương tử tinh tấn tu tập, khổ luyện công phu và đạt được một số thành tựu nhất định: *"Đại đức Bhaddiya đã thực chứng Tam Minh, đại đức Anuruddha đã đạt được thiên nhãn, đại đức Ānanda đã thực chứng quả Nhập Lưu, Devadatta đã thành tựu được thần thông của phàm nhân"* [2].

Tôn giả Ûpali chứng quả A la hán, người sau này trở thành nhân vật chủ chốt kiết tập Luật tạng trong Đại hội kiết tập kinh điển lần thứ Nhất. Tuy nhiên, theo chương Phóng Ngưu, kinh số 9, trang 427, thuộc tạng kinh Tăng Nhất A hàm, cho rằng Devadatta ba lần xin phép xuất gia làm Sa môn, nhưng không được đức Phật chấp nhận, Phật bảo Đề Bà Đạt Đa: *"Ông nên sống tại gia mà huệ thí phân đàn. Vì làm Sa môn thật không dễ"* [3]. Đề Bà Đạt Đa nghĩ rằng, vì đức Phật đổ kỵ với ông nên không cho ông làm Sa môn: *"Sa môn này có lòng đổ kỵ. Nay ta cứ tự mình cạo đầu, khoác ca sa, tự xưng "Ta là Thích tử"* [4].

Như vậy, căn cứ theo kinh Tăng Nhất A hàm, thì Đề Bà Đạt Đa không phải là Sa môn chính danh trong Tăng đoàn của đức Phật. Sau khi trở thành Sa môn, Đề Bà Đạt Đa hỏi đạo với Tôn giả Tu la đà, là người tu hạnh đầu đà và có 5 thần thông: *"Cúi xin Tôn giả thuyết giáo cho tôi, để tôi được an ổn lâu dài. Bấy giờ Tỳ kheo Tu la đà liền dạy các oai nghi lễ tiết, tư duy pháp này... Tỳ kheo Tu la đà dạy cho ông đạo thần túc"* [5].

Do đó, chúng ta thấy rằng có sự không đồng nhất giữa Luật tạng nguyên thủy Vinayapitaka và kinh tạng Tăng nhất A hàm về góc nhìn khác nhau thân thế của Devadatta. Một bên công nhận là đệ tử chính danh của đức Phật, còn một bên không công nhận thân phận chính danh của Devadatta (vô sư tự cạo tóc). Tuy nhiên, nhận thức cho rằng Devadatta không phải đệ tử chính danh của Phật là còn thiếu cơ sở thuyết phục.

Vì sao? Tỳ kheo Devadatta sau khi xuất gia đã sinh hoạt trong Tăng đoàn một thời gian dài, Tăng chúng đều biết đến ông là em họ của đức Phật, là em ruột của ngài Ānanda. Nếu ông tự cạo tóc, khoác áo ca sa thì tất nhiên trong Tăng chúng đều biết và có lời dị nghị, lời qua tiếng lại, sẽ đến tai của đức Phật. Khi ấy đức Phật phải giải trình để an lòng Tăng chúng, vì sao tự cạo đầu mà lại sinh hoạt trong Tăng chúng một cách công khai? Có phải đức Phật vì tình cảm cá nhân, là anh em họ hàng dòng tộc Sakya mà phá lệ cho Devadatta?

Hơn nữa, nếu ông là **Tỳ kheo** chưa chính danh thì làm sao thu phục được khoảng 500 Tỳ kheo trong Tăng đoàn đức Phật đi theo ông một cách tự nguyện?

Đồng thời các vương gia, quý tộc, kể cả thái tử A Xà Thế cũng ủng hộ ông về mọi mặt. Cho nên vấn đề xem ông là vô sư tựạo tóc, có nhiều luận thuyết trái chiều, chưa thật sự thống nhất. Đó có lẽ là do nhận thức lịch sử của các hệ thống Kinh tạng, Luật tạng đứng trên quan điểm, lập trường tư tưởng khác nhau của các bộ phái Phật giáo.

Điểm nhấn trong câu chuyện của Devadatta, là vấn đề mà ông gây chấn động Tăng đoàn, đó là âm mưu chia rẽ hội chúng, nhằm mục tiêu thống lĩnh hội chúng của đức Phật. Trong thuyết âm mưu của mình, ông muốn thiết lập một trật tự giới luật mới trong Tăng đoàn, nhằm mục tiêu hướng tới hệ tư tưởng khác đối trọng với đức Phật.

Trong một sự kiện quan trọng, chúng Tăng hội hợp, Devadatta đã đề xuất 5 pháp, kêu gọi Tăng chúng biểu quyết: *“Các Trưởng lão nào chấp thuận năm việc này là pháp, là tỳ ni là lời dạy của Phật thì rút thẻ”* [6]. Khi đó có 5.00 vị Tỳ kheo tân học chấp nhận rút thẻ tán đồng quan điểm của Đề Bà Đạt Đa. Căn cứ theo Luật tứ phần, chương X, phá Tăng, trình bày năm pháp của Devadatta là: [7]

- Trọn đời khát thực.
- Trọn đời mặc y phẩn tảo.
- Trọn đời ngồi nơi đất trống.
- Trọn đời không ăn muối.
- Trọn đời không ăn cá, thịt (ăn chay hoàn toàn).

Sau khi biểu quyết xong, Devadatta cùng với các Tỳ kheo đến núi Già da, rời bỏ Phật và Tăng, tự tác yết ma thuyết giới: *“Này các Trưởng lão, chúng ta không cần Phật và chúng Tăng. Chúng ta cùng nhau tác pháp yết ma thuyết giới”* [8]. Ông dự tính thành lập nhóm tân học Tỳ kheo nhằm ly khai khỏi Tăng đoàn của đức Phật. Tuy nhiên, năm pháp đề xuất của Devadatta không được đức Phật tán thành, vì đức Phật cho rằng đó là mầm mống của sự phá hoà hiệp Tăng, chia rẽ Tăng chúng:

“Tại sao ông dùng năm pháp dạy các Tỳ kheo...Này Đề Bà Đạt Đa, ông chớ nên đoạn bốn Thánh chủng. Này Đề Bà Đạt Đa, nay ông chớ nên phương tiện phá hoà hiệp Tăng, chớ chấp chặt phương tiện phá hoà hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Ông nên cùng Tăng hoà hiệp, không tranh chấp, cùng một thầy học như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có ích, sống an lạc” [9].

Sau nhiều lần âm mưu hại đức Phật và chia rẽ Tăng chúng, nhằm gây ảnh hưởng trong tăng đoàn, thành lập nhóm ly khai không thành, Đề Bà Đạt Đa từ bỏ ý định âm mưu hại Phật, nhận ra sai lầm của mình. Ông lâm bệnh nặng và qua đời, nhưng trước khi chết, ông xin được gặp đức Phật để phát lồ sám hối. Tuy nhiên, theo truyền thuyết và các bản chú giải của Phật giáo Bắc truyền cho rằng, ông bị đất nứt nứt chứng xuống A tỳ địa ngục do phạm ba trọng tội: Chia rẽ và phá hòa hợp Tăng, làm Phật chảy máu và giết hại A la hán?

Ngày nay người ta thường xem ông là nhân vật phản diện tuyệt đối với đức Phật, là hiện thân của cái ác, những điều phi đạo đức, những điều tội lỗi xấu xa trong xã hội nói chung, Giáo hội, Tăng chúng Phật giáo nói riêng. Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra là, nguyên nhân nào khiến Đề Bà Đạt Đa muốn chia quyền lãnh đạo Tăng đoàn?

Tư tưởng của Devadatta có phải là sự cải cách, đổi mới trong Tăng đoàn hay là tư tưởng phá hòa hiệp Tăng? Devadatta là người khởi xướng cho việc ăn chay (không ăn cá, thịt), nó có phải là tiền đề (premise), mà ngày nay trong cộng đồng Phật giáo Bắc truyền đề cao việc ăn chay?



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa.

2. Từ tư tưởng đổi mới đến người phạm trọng tội trong Tăng đoàn

Xuất phát từ tư tưởng muốn ly khai Tăng đoàn, thống lĩnh hội chúng, Devadatta đã đưa ra những quan điểm cải cách, đổi mới khác với những điều học giới đức Phật quy định, với mục tiêu tác động đến Tăng đoàn, lôi kéo nhóm tân học Tỳ kheo, tạo uy tín và thể hiện chính ông là người có khả năng thống lĩnh hội chúng như đức Phật. Tuy nhiên, 5 pháp đó không được đức Phật chấp nhận, nó trở thành 5 điều phi pháp trong học giới của Tăng đoàn. Song, nguyên nhân nào mà Devadatta muốn thành lập Tăng đoàn mới đối lập vào đức Phật?

- Thứ nhất, tư tưởng tranh giành quyền lực. Trong xã hội phong kiến Trung ương tập quyền, chế độ phụ tử tương thừa, cha truyền ngôi cho con cùng họ, nhằm duy trì quyền lực gia tộc, thể hiện rõ nét ở các nước Châu Á nói chung, Ấn Độ nói riêng. Dòng họ vua chúa đều được hưởng những đặc quyền riêng biệt cao hơn mọi tầng lớp khác trong xã hội.

Trong xã hội phong kiến, việc các vương tử (hoàng tử) và thái tử tranh đấu quyền lực, tạo dựng uy tín giành giật ngai vàng diễn ra phổ biến trong triều đình để tranh giành đỉnh cao quyền lực tối thượng. Chính vì vậy, ngay từ thuở nhỏ Devadatta đã có những suy nghĩ đố kỵ, ganh ghét với thái tử **Tất Đạt Đa** và sau khi gia nhập Tăng đoàn, ông cũng muốn phân chia quyền lực thống lĩnh hội chúng với đức Phật. Bởi vì, Devadatta nghĩ rằng mình và đức Phật đều xuất thân từ chủng tộc cao quý trong xã hội và có những sở đặc thần thông như nhau: *“Sa môn Cù đàm có thần túc, ta cũng có thần túc. Sa môn Cù đàm có sở tri, ta cũng có sở tri. Sa môn Cù đàm thuộc chủng tộc cao quý, ta cũng thuộc chủng tộc cao quý”* [10].

Do đó, để thực hiện ý đồ phân chia quyền lực, phân chia hội chúng, Devadatta đã lấy lòng thái tử A Xà Thế và được Thái tử ủng hộ vật chất để làm phương tiện lôi kéo đồ chúng, trong đó có 5.000 Tỳ kheo nhận sự cúng dường của Thái tử. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng, thái tử Tất Đạt Đa, ngay từ đầu đã từ bỏ quyền lực kế thừa làm vua, dấn thân vào con đường tìm ra chân lý cứu khổ chúng sinh và đạt được thành tựu viên mãn. Khác với quyền lực của Devadatta muốn lãnh đạo hội chúng dựa trên chủng tộc cao quý, tâm đố kỵ, danh lợi, dựa vào thế quyền để mong cầu một sự lãnh đạo về mặt tinh thần của tín đồ là không thể so sánh với đức Phật.

Đức Phật là bậc thầy hướng đạo, người khai mở năng lực nội tâm cho chúng sinh, không phải là người cố gắng đi lên bằng quyền lực, dựa vào thế quyền để lãnh đạo hội chúng. Chính vì vậy, tư tưởng thống lĩnh hội chúng dựa trên quyền lực thế tục đã khiến Devadatta ngày càng đi vào ngõ cụt không lối thoát, càng lút sâu vào con đường địa vị, lợi dưỡng, bị Tăng đoàn từ bỏ. Mặc dù vậy, tư tưởng tranh giành quyền lực của Devadatta có thật sự chấm hết khi ông qua

đời, hay vẫn còn tái diễn trong Tăng đoàn thời kỳ phân chia lãnh đạo các bộ phái Phật giáo; đồng thời trong xã hội ngày nay, tu sĩ có đi theo con đường của Devadatta?

- Thứ hai, tư tưởng lãnh đạo. Trong lịch sử xã hội Ấn Độ cổ đại tín ngưỡng, đa thần giáo cực kỳ phong phú, người Ấn Độ cổ xưa thờ rất nhiều vị thần, khoảng 33 triệu vị thần, đại diện cho các lực lượng vũ trụ, phẩm chất con người và các hiện tượng tự nhiên như thần sông, thần mặt trời, thần lửa, thần gió... một hệ thống thần linh khổng lồ trong hệ sinh thái đa thần giáo Ấn Độ.

Các giáo phái Ấn Độ chia thành hai hệ tư tưởng đối lập nhau: Hệ tư tưởng chính thống (Āstika) xuất hiện vào khoảng thế kỷ 15- 5 TCN, dựa vào uy quyền của kinh Vệ đà, xoay quanh quyền lực của tu sĩ Bà la môn, thờ cúng các vị thần Brama – Phạm Thiên (Đấng sáng tạo), thần Vishnu (Đấng bảo hộ), thần Shiva (Đấng huỷ diệt và tái sinh) và hệ tư tưởng phi chính thống (Nāstika), xuất hiện vào khoảng thế kỷ VI TCN, mang tư tưởng cải cách, đổi mới, chống lại uy quyền của kinh Vệ đà, nhằm áp đặt một quyền năng tuyệt đối vào lực lượng vũ trụ, phản đối chế độ đẳng cấp, muốn tìm ra một hướng đi mới để giải thoát con người bằng quá trình tu tập. Từ đó tạo nên phong trào khát sĩ, tu sĩ hay còn gọi là các Sa môn, bao gồm: Phật giáo (Buddhism), Kỳ Na giáo (Jainism), Đạo A-di-vi-ca (Ajivikas), Đạo Duy vật/Lokayata (Charvaka), Đạo Bất khả tri (Ajñana)...

Chính vì vậy, câu chuyện Devadatta có tư tưởng lãnh đạo, muốn thống lĩnh hội chúng, muốn thành lập Tăng đoàn mới, phản ánh điều kiện lịch sử xã hội đương thời về mặt đa thần giáo hết sức phức tạp. Bất kỳ ai có năng lực, trình độ lý luận, tu tập tốt, đều có khả năng thành lập hệ phái mới, tạo dựng cơ nghiệp. Điển hình, ba anh em Ca Diếp tu theo pháp thờ Thần lửa, mỗi người đều có đồ chúng riêng biệt. Tôn giả Ưu Lâu Tần La Ca Diếp (Uruvelā Kassapa): thống lĩnh 500 đệ tử, tôn giả Na Đề Ca Diếp (Nadī Kassapa): thống lĩnh 250 đệ tử và ngài Già Da Ca Diếp (Gayā Kassapa) thống lĩnh 250 đệ tử. Sau khi quy y đức Phật, cả 1000 đồ chúng trở thành đồ chúng của đức Phật.

Tôn giả Xá Lợi Phất và **Mục Kiền Liên** lãnh đạo nhóm du sĩ San-xà-da Tì-la-chi-tử (Sañjaya Belatṭhaputta) chủ trương học thuyết hoài nghi, bất khả tri, mỗi người lãnh đạo 250 đồ chúng, sau đó đã quy hướng theo đức Phật cùng với đồ chúng của mình. Mặt khác, trên nền tảng của một tôn giáo, người ta cũng có thể tách biệt thành một hệ phái hoặc tôn giáo mới, theo sự phát triển của xã hội, đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người trong tình hình mới của xã hội đương đại. Chẳng hạn, tại châu Âu vào thế kỷ XVI, từ phong trào Cải cách Tôn giáo, Đạo Tin Lành (Tân giáo) tách ra khỏi Giáo hội Công giáo Rôma. Tại Việt Nam, Phật giáo Hoà Hảo do Đức Huỳnh Phú Sổ khai lập năm 1939 tại làng Hoà

Hảo, tỉnh Châu Đốc, kế thừa từ Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, trên nền tảng dựa vào giáo lý của Đạo Phật, chủ trương tu hành tại gia...

Tư tưởng thống lĩnh đồ chúng, tạo dựng cơ nghiệp riêng biệt của Devadatta, khi ông quy tụ 500 tân học Tỳ kheo tách khỏi Tăng đoàn, hướng đến một âm mưu, ý đồ to lớn hơn đó là thành lập một Tăng đoàn mới hay một hệ tư tưởng mới đối đầu với đức Phật; nó phản ánh quy luật đối kháng của xã hội đương thời nói chung, trong Tăng đoàn nói riêng, mà nhân vật phản diện là Devadatta và một số Tỳ kheo khác như Subhadda, Sunakkhatta, Arittha...có tư duy bất đồng chính kiến với đức Phật. Trong một tuyên bố của Tỳ kheo Subhadda, đã chứng minh điều đó:

“Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than! Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu quấy rối với những lời: “Làm như thế này không hợp với các người. Làm nhưng thế này hợp với các người”. Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm; những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm” [11].

Sau đức Phật nhập Niết bàn khoảng 100 năm, tư tưởng phân chia bộ phái đã bắt đầu manh nha, phân tăng thành 20 trường phái tư tưởng và giới luật lớn nhỏ khác nhau. Bao gồm 2 hệ phái lớn: Đại chúng bộ (9 bộ phái) như là: Đại Chúng Bộ (Mahāsāṃghika), Nhất Thuyết Bộ (Ekavyāvahārika), Thuyết Xuất Thế Bộ (Lokottaravāda)...; Thượng toạ bộ (11 bộ phái) như là: Thượng Tọa Bộ (Sthaviravāda), Tuyết Sơn Bộ (Haimavata), Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ / Hữu Bộ (Sarvāstivāda), Độc Tử Bộ (Vātsīputrīya)...Mỗi trường phái đều có thủ lĩnh trường phái để lãnh đạo hội chúng. Chính vì vậy, tư tưởng của Devadatta đã bực lộ đường lối của chủ nghĩa lãnh đạo cá nhân trong Tăng đoàn ngay từ thời đức Phật còn tại thế. Song, có điều nó chưa đủ mạnh trở thành lực lượng đáng tin cậy, bởi vì nó xuất phát từ quan điểm bất thiện, để chống lại cái thiện toàn năng, toàn mỹ của đức Phật.

- Thứ ba, tư tưởng cải cách, đổi mới. Để mục tiêu hướng đến thành lập Tăng đoàn mới thành hiện thực, Devadatta đã mưu tính chiến lược lôi kéo nhiều thế lực bên ngoài và các Tỳ kheo hai mặt (hypocritical bhikkhu) bên trong Tăng đoàn. Devadatta thi triển thần túc lên cõi trời Tam thập tam lấy hoa ưu bát, câu mâu đầu dâng cho Thái tử: *“Hoa này xuất xứ từ trên trời Tam thập tam. Thích Đề Hoàn Nhân sai mang đến dâng Thái tử”* [12]. Việc tặng hoa cho thái tử A Xà Thế có chủ đích, khiến danh tiếng của Devadatta được loan truyền khắp nơi, được nhiều người kính trọng, nể phục; đồng thời thuyết phục được các Tỳ kheo hai mặt đi theo để hưởng lợi ích về vật chất như y phục, ẩm thực, giường chõng, ngọc cụ, thuốc men trị bệnh.

Cùng với đó, Devadatta muốn thể hiện mình là một người lãnh đạo có đẳng cấp trong Tăng đoàn, có thể sẽ cao hơn đức Phật bằng việc đưa ra năm điều pháp, lấy biểu quyết công khai trong Tăng đoàn và nhận được sự đồng thuận của 500 Tỳ kheo tân học. Tuy nhiên, nó không được đức Phật chấp nhận vì đi ngược lại với những điều quy định từ trước của đức Phật. Song, nó cũng tạo ra tiền lệ cho sự đổi mới, cải cách, mà trước đó chưa có ai dám công khai thay đổi những quy định về giới luật của đức Phật. Trong đó, có điều pháp không ăn cá, thịt (ăn chay) là một thay đổi mới trong Tăng đoàn thời bấy giờ. Song, câu hỏi được đặt ra là, ăn chay có phải là hướng đi mới của Phật giáo phát triển?

Trong câu chuyện về ăn chay xuất phát từ truyền thống Phật giáo phát triển và có mối liên quan mật thiết đến lịch sử Trung Quốc, cụ thể là hoàng đế nhà Lương, tức vua Lương Võ Đế - thế kỷ VI tại Trung Quốc. Ông viết bài “*Đoạn tửu nhục văn*” (đoạn tuyệt với rượu thịt) vào năm 518 (năm Thiên Giám thứ 17) cổ xúy cho phong trào ăn chay, cấm tuyệt đối việc uống rượu và ăn thịt của tăng, ni Phật giáo.

Đặc biệt, ông dùng vương quyền ban hành quy định ép buộc toàn thể tăng ni, tu sĩ tại Trung Quốc phải ăn chay trường. Lý do mà ông viện dẫn căn cứ trên tinh thần từ bi của các kinh điển Đại thừa như **Đại Bát Niết bàn** kinh, Kinh Lăng-già, và Kinh Ương-quật-ma-la để chứng minh cho nhận thức tư kiến của mình là đúng. Từ hành động và các chiếu chỉ của vua Lương Võ Đế đã lan toả, cổ xúy cho phong trào ăn chay rộng khắp, đặt nền móng cho việc ăn chay thành một nét văn hoá, đặc trưng của Phật giáo Đại thừa tại Trung Quốc và sau đó lan rộng sang các nước lân cận như: Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc, Phật giáo Đài Loan.

Tuy nhiên, đây là quan điểm tư kiến của vua Lương Võ Đế, không phải là đại diện, thay thế tư tưởng cốt lõi của đức Phật về vấn đề ăn chay hay ăn mặn. Chúng ta có thể thấy cuộc đối thoại giữa đức Phật và y vương Jīvaka Komārabhacca (Kỳ-vực) tại khu vườn xoài ở thành Vương Xá (Rājagaha) xoay quanh đề tài ban hành giới cấm Tỳ kheo (tăng, ni) không được ăn thịt, cá được ghi chép trong kinh Jīvaka, thuộc Trung bộ kinh số 55, đức Phật đã trả lời:

“Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt không được thọ dụng: Thấy, nghe và nghi (vì mình mà giết). Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp, thịt được thọ dụng: Không thấy, không nghe và không nghi (vì mình mà giết). Này Jīvaka, Ta nói trong ba trường hợp này, thịt được thọ dụng” [13].

Như vậy, tư tưởng đổi mới, cách cải của Đề Bà Đạt Đa trong trường hợp này không phù hợp với quan điểm của đức Phật lúc bấy giờ và nó trở thành là một trọng tội trong Tăng đoàn gọi là phá hòa hợp Tăng, khi Devadatta đi ngược lại

với những chủ trương, giới luật của đức giáo chủ Gotama. Tuy nhiên, nó cũng có thể đúng đối với thời đại phát triển về sau và được người sau ca tụng, cổ xúy cho những đề xướng gọi là phi pháp của Devadatta.

Song, nó vẫn còn những tranh luận trái chiều về vấn đề ăn chay là đúng hay ăn mặn là sai trong cộng đồng Phật giáo ngày nay. Tương tự như Tôn giả Ānanda xin phép đức Phật cho người nữ xuất gia trong Tăng đoàn và trở thành người bị cử tội trong Tăng chúng lúc bấy giờ, nhưng trở thành người khai sáng, góp phần cho Ni giới phát triển đến ngày nay.

Tóm lại, Đề Bà Đạt Đa là nhân vật mang nhiều tai tiếng xấu ác, đi ngược lại với những luật tắc quy định của đức Phật, không tuân thủ những điều quy định trong Tăng đoàn, có tâm bức phá vượt ngoài những khuôn khổ quy định của Tăng chúng, đưa ra năm điều pháp, được gọi là năm điều phi pháp trong giới luật Tăng chúng lúc bấy giờ; với âm mưu, toan tính phân chia quyền lực, thống lĩnh Tăng chúng, thay thế đức Phật. Tuy nhiên, âm mưu đó không thành hiện thực và Devadatta trở thành là người phạm trọng tội với mã định danh là phá hoà hiệp Tăng, một trong năm trọng tội (ngũ nghịch).

Song những người theo quan điểm cấp tiến trong Phật giáo cho rằng **Devadatta** là nhân vật phản diện, đại diện cho cái xấu ác, bất thiện đối lập với những điều thánh thiện trong Tăng đoàn, cái chân, thiện, mỹ trong xã hội. Theo quan điểm của Đại thừa giáo, mỗi chúng sinh đều có Phật tính và có thể tu thành Phật. Bởi lẽ, không có ai làm ác mãi mãi và không có ai làm thiện mà không có lúc làm ác trong cuộc đời. Cho nên, đức Phật đã hoan hỷ với sám hối của Đề Bà Đạt Đa và thọ ký cho ông 100.000 kiếp sau sẽ thành Phật.

Tuy nhiên, do hạn chế của điều kiện lịch sử và sự phụ thuộc vào hệ tư tưởng đương thời, sự đổi mới, cải cách của ông đã đi ngược lại với nhận thức đương thời trong Tăng đoàn, trở thành mất giá trị, mất tác dụng, khiến ông bị bỏ rơi, xa lánh trong Tăng chúng.

Mặc dù vậy, những điều pháp ông đưa ra đã có tác dụng, ảnh hưởng trong cộng đồng Phật giáo phát triển nhiều thế kỷ cho đến ngày nay, đó là vấn đề người ta xem ăn chay như một giải pháp tối ưu, nhằm thể hiện lòng từ bi, nét văn hóa trong Phật giáo Đại thừa. Nhiều người còn quan niệm, tu hành thì phải ăn chay; ngược lại thì chưa phải là người tu hành đã trở thành thói quen, quan niệm sống trong dân gian ngày nay.

Do vậy, nhận thức lịch sử về quá khứ phụ thuộc vào quan điểm, lập trường chính trị, nhận thức tôn giáo, nhận thức tâm linh, trình độ, niềm tin, mục đích của con người khi xem xét vấn đề mang tính lịch sử.

Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra là, chúng ta ăn chay là tu theo đức Phật hay tu theo Đề Bà Đạt Đa? Quan điểm không ăn thịt, cá (ăn chay) của Đề Bà Đạt Đa có thật sự đúng trong cộng đồng Phật giáo ngày nay? Và ông là người có tội hay có công với cộng đồng Phật giáo phát triển?

Tác giả: **Thích Lệ Quang***

Chú thích

* Tiến sĩ Triết học.

[1]. <https://thuvienhoasen.org/p18a24602/7-chuong-chia-re-hoi-chung-sa-ghabhedakkhandhaka>.

[2]. <https://thuvienhoasen.org/p18a24602/7-chuong-chia-re-hoi-chung-sa-ghabhedakkhandhaka>.

[3]. Thích Đức Thắng (dịch) (2011), chương Phóng Ngưu, Kinh số 9, kinh Tăng Nhất A hàm, tập 3, Nxb. Phương Đông, tr. 428.

[4]. Sđd, tr 428.

[5]. Sđd, tr 429.

[6]. Thích Đồng Minh (dịch) (2013), chương XV: Phá Tăng, Luật Tứ phần, tập 3, Nxb. Phương Đông, tr.1703.

[7]. Thích Đồng Minh (dịch) (2013), chương X: Phá Tăng, Luật Tứ phần, tập 1, Nxb. Phương Đông, tr.152.

[8]. Thích Đồng Minh (dịch) (2013), chương XV: Phá Tăng, Luật Tứ phần, tập 3, Nxb. Phương Đông, tr.1703.

[9]. Thích Đồng Minh (dịch) (2013), chương X: Phá Tăng, Luật Tứ phần, tập 1, Nxb. Phương Đông, tr.154.

[10]. Thích Đức Thắng (dịch) (2011), chương Phóng Ngưu, Kinh số 9, kinh Tăng Nhất A hàm, tập 3, Nxb. Phương Đông, tr. 430.

[11]. Thích Minh Châu (dịch) (2013), Kinh Đại Bát Niết bàn, Trường bộ kinh, tập 1, Nxb. Tôn giáo, tr. 344.

[12]. Thích Đức Thắng (dịch) (2011), chương Phóng Ngưu, Kinh số 9, kinh Tăng Nhất A hàm, tập 3, Nxb. Phương Đông, tr. 430.

[13]. Thích Minh Châu (dịch) (2012), kinh Jivaka, kinh Trung bộ, tập I, Nxb. Tôn giáo, tr. 451.

Tài liệu tham khảo:

1.<https://thuvienhoasen.org/p18a24602/7-chuong-chia-re-hoi-chung-sa-ghabhedakkhandhaka>.

2.Luật tạng, tiểu phẩm 2.
<https://www.tuvienquangduc.com.au/luat/26tieupham14.html>.

3.Thích Đồng Minh (dịch), Luật Tứ phần, tập 1, Nxb. Phương Đông, 2013.

4.Thích Đồng Minh (dịch), Luật Tứ phần, tập 3, Nxb. Phương Đông, 2013.

5.Thích Đức Thắng (dịch), kinh Tăng Nhất A hàm, tập 3, Nxb. Phương Đông, 2011.

6.Thích Minh Châu (dịch), Kinh Tăng chi bộ, tập 2, Nxb. Tôn giáo, 2015.

7.Thích Minh Châu (dịch), Kinh Tiểu bộ, tập 1, Nxb. Tôn giáo, 2015.

8.Thích Minh Châu (dịch), kinh Trung bộ, tập I, Nxb. Tôn giáo, 2012.

9.Thích Minh Châu (dịch), Trường bộ kinh, tập 1, Nxb. Tôn giáo, 2013.

10.Tuệ Sỹ (dịch và chú), kinh Trường A Hàm, Nxb. Phương Đông, 2008.